

TB/165/MNDH

Diễn Châu, ngày 16 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Vv công bố công khai danh sách học sinh được miễn học phí; hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ trẻ ăn trưa; hỗ trợ trẻ khuyết tật kỳ 1 năm học 2025-2026

Thực hiện Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 thông tư liên tịch quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Công văn số: 2566/SGDDĐT - TC&ĐTGD ngày 05/09/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Trường mầm non Diễn Hoa thông báo niêm yết.

Công bố công khai số liệu thực hiện chế độ chính sách : Miễn học phí ; hỗ trợ ăn trưa; hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ trẻ khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo của kỳ 1 năm học 2025-2026 theo quy định nhà nước (theo biểu đính kèm: PL 01; PL02;PL03;PL04)

1. Hình thức, địa điểm và thời gian niêm yết công khai.

1.1. Hình thức, địa điểm:

- Trang <http://mamnondienhoa.dienchau.edu.vn/admin>

- Thông báo trước hội đồng trường ;Niêm yết tại bảng công khai nhà trường

1.2 Thời gian:

Thời gian niêm yết 30 ngày từ 7h30phut ngày 16 tháng 10 năm 2025 đến ngày 15 tháng 11 năm 2025.

2. Yêu cầu: Mọi cán bộ giáo viên, nhân viên, phụ huynh và nhân dân xem bảng niêm yết về các nội dung công khai nếu có điều gì vướng mắc sẽ phản ánh về tổ công khai.

Nơi nhận:

- Lưu :VT,TC



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị X...



UBND XÃ DIÊN CHÂU
Trưởng Mầm Non Diên Hoa

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ THEO NĐ 238/2025/NĐ-CP

Tháng 9 đến tháng 12 năm 2025 (Dùng cho giáo dục mầm non)

Phục lục 01:

Kèm theo TB165/MNDH ngày 16/10/2025

TT	Họ tên	Tên	Đối tượng	Mức thu học phí	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí cấp bù	Ghi chú
1	Ngô Bảo	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
2	Thái Lê Phương	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
3	Thái Thùy	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
4	Ngô Thảo	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
5	Thái Thị Quỳnh	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
6	Vũ Thị Tú	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
7	Cao Gia	Bảo	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
8	Lê Gia	Bảo	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
9	Nguyễn Thùy	Dương	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
10	Trần Hoàng	Đức	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
11	Tạ Khánh	Hân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
12	Vũ Huy	Hoàng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
13	Ngô Quang	Huy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
14	Đào Quang	Khải	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
15	Nguyễn Trúc	Linh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
16	Nguyễn Khánh	My	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
17	Thái Bảo	Nam	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
18	Cao Khánh	Ngân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
19	Cao Khả	Nhi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
20	Cao Tuệ	Nhi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
21	Tạ Quỳnh	Như	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
22	Ngô Bảo	Nhung	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
23	Ngô Anh	Phát	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
24	Ngô Thị Anh	Thư	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
25	Ngô Thanh	Trà	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
26	Cao Kỳ	Vĩ	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
27	Cao Minh	Vương	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
28	Cao Nhật	Vượng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi A
29	Cao Đức	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
30	Cao Thùy	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
31	Nguyễn Minh	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
32	Nguyễn Ngọc Duy	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
33	Nguyễn Tuệ	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
34	Ngô Tuyết	Băng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
35	Bùi Gia	Bảo	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
36	Ngô Đức	Bình	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
37	Hà Trọng	Gia	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
38	Trần Quang	Khải	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
39	Cao Duy	Khánh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
40	Ngô Đăng	Khôi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
41	Cao Tuấn	Kiệt	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ THEO NĐ 238/2025/NĐ-CP

Tháng 9 đến tháng 12 năm 2025 (Dùng cho giáo dục mầm non)

Phục lục 01:

Kèm theo TB165/MNDH ngày 16/10/2025

TT	Họ tên	Tên	Đối tượng	Mức thu học phí	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí cấp bù	Ghi chú
42	Tạ Bảo	Long	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
43	Nguyễn Thảo	My	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
44	Đậu Thị Kim	Ngân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
45	Lê Kim	Ngân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
46	Trương Diệu	Nhi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
47	Cao Quỳnh	Như	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
48	Cao Tấn	Phát	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
49	Phạm Việt	Phát	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
50	Trần Ngô Nguyên	Phong	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
51	Cao Nhật	Quân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
52	Cao Mỹ	Tâm	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
53	Cao Thị Quỳnh	Thư	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
54	Vũ Minh	Thư	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
55	Phạm Nhật	Trường	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
56	Đào Thái Thiên	Vũ	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
57	Nguyễn Minh	Vy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi B
58	Thái Thiên	Ân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
59	Lê Đức	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
60	Thái Vy	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
61	Phan Thị Kim	Chi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
62	Nguyễn Đăng	Cơ	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
63	Cao Hải	Duy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
64	Lưu Linh	Đan	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
65	Thái Thành	Đạt	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
66	Nguyễn Gia	Hưng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
67	Cao Minh	Khang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
68	Hồ Phạm Minh	Khôi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
69	Nguyễn Minh	Khôi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
70	Cao Trần Tuấn	Kiệt	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
71	Đoàn Khánh	Linh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
72	Phạm Bùi Nhật	Minh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
73	Thái Bảo	Nam	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
74	Thái Hoàng	Nguyên	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
75	Vũ Minh	Nguyệt	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
76	Cao Trần Thiện	Nhân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
77	Đậu Vũ Thảo	Nhi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
78	Vũ Kiều	Oanh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
79	Cao Thanh	Phong	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
80	Ng. Ngọc Hoàng	Quân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
81	Phan Quỳnh	Trang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
82	Phạm Minh	Trí	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ THEO NĐ 238/2025/NĐ-CP
Tháng 9 đến tháng 12 năm 2025 (Dùng cho giáo dục mầm non)

Phục lục 01:

Kèm theo TB165/MNDH ngày 16/10/2025

TT	Họ tên	Tên	Đối tượng	Mức thu học phí	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí cấp bù	Ghi chú
83	Thái Đức	Trí	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
84	Cao Thanh	Trường	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
85	Phạm Hoàng	Vũ	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
86	Trần Đức	Vượng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
87	Nguyễn Thị Hoài	Yên	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	5 tuổi C
88	Vũ Hoàng Hải	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
89	Ngô Phương	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
90	Nguyễn Cao	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
91	Đặng Ngô Minh	Châu	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
92	Phan Ngọc	Diệp	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
93	Cao Hoàng Kỳ	Duyên	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
94	Cao Khả	Hân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
95	Nguyễn Gia	Hân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
96	Nguyễn Quang	Khải	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
97	Nguyễn Ngọc	Khuê	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
98	Vũ Hoàng	Linh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
99	Ngô Bảo	Long	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
100	Hà Thị Tuyết	Mai	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
101	Ngô Nhật	Minh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
102	Vũ Minh	Nhật	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
103	Nguyễn An	Nhiên	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
104	Nguyễn Ngọc	Như	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
105	Nguyễn Trọng	Phúc	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
106	Nguyễn Khánh	Quỳnh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
107	Ngô Trí	Thắng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
108	Nguyễn Thanh	Trà	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
109	Bùi Thị Thanh	Trúc	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
110	Ngô Anh	Tú	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
111	Cao Hoàng	Yến	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
112	Ngô Hải	Yến	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi A
113	Bùi Minh	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
114	Đặng Trâm	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
115	Trần Cao Quỳnh	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
116	Cao Quốc	Bảo	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
117	Lê Quốc	Bảo	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
118	Ngô Thị Bảo	Châu	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
119	Ngô Hoàng	Dũng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
120	Ngô Ánh	Dương	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
121	Ngô Minh	Duy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
122	Đặng Thị Linh	Đan	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
123	Ngô Minh	Hải	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ THEO NĐ 238/2025/NĐ-CP
Tháng 9 đến tháng 12 năm 2025 (Dùng cho giáo dục mầm non)

Phục lục 01:

Kèm theo TB165/MNDH ngày 16/10/2025

TT	Họ tên	Tên	Đối tượng	Mức thu học phí	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí cấp bù	Ghi chú
124	Cao Hoàng	Hiệp	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
125	Vũ Bá Gia	Hưng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
126	Thái Doãn	Kiên	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
127	Hoàng Nhật	Linh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
128	Ngô Hạ	Linh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
129	Ngô Thị Phương	Linh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
130	Cao Đức	Minh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
131	Nguyễn Đức Nhật	Minh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
132	Hoàng Thị Bảo	Ngọc	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
133	Tạ Quỳnh	Như	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
134	Phạm Văn	Thắng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
135	Cao Trần Công	Thịnh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
136	Mai Huỳnh Anh	Thư	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
137	Thái Hoàng Anh	Thư	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
138	Ngô Đức	Toàn	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
139	Ngô Bảo	Trang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
140	Cao Thành	Trung	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi B
141	Vi Hà	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
142	Thái Minh	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
143	Nguyễn Ngô	Diệp	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
144	Cao Hoàng	Dương	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
145	Ngô Bảo	Dương	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
146	Nguyễn Lê Khánh	Dương	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
147	Thái Huy	Hoàng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
148	Phạm Minh	Khang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
149	Thái Minh	Khang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
150	Cao Thị Nhật	Linh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
151	Nguyễn Thị	Lộc	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
152	Cao Nhật	Minh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
153	Cao Thị Hà	My	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
154	Thái Diễm	My	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
155	Ngô Khôi	Nguyên	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
156	Trần Trung	Nguyên	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
157	Cao Thiện	Nhân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
158	Đặng Linh	Nhi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
159	Cao Thị	Oanh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
160	Đặng Gia	Phong	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
161	Ngô Đức	Quân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
162	Vũ Nguyên Minh	Tiến	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
163	Cao Phương	Trinh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C
164	Thái Nguyễn Bảo	Yên	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	4 tuổi C

KẤY DẤU
TRƯỞNG
MẦM
NON
DIỄN
HOA

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ THEO NĐ 238/2025/NĐ-CP
Tháng 9 đến tháng 12 năm 2025 (Dành cho giáo dục mầm non)

Phục lục 01:

Kèm theo TB165/MNDH ngày 16/10/2025

TT	Họ tên	Tên	Đối tượng	Mức thu học phí	Mức hộ trợ	Số tháng	Kinh phí cấp bù	Ghi chú
165	Phạm Bảo	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
166	Ngô Gia	Bảo	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
167	Cao Thành	Chiến	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
168	Cao Minh	Đức	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
169	Ngô Kiến	Hào	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
170	Cao Gia	Hưng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
171	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
172	Ngô Bảo	Khang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
173	Ngô Minh	Khang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
174	Nguyễn Ngọc Duy	Khang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
175	Phạm Bảo	Khang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
176	Vì Quốc	Khánh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
177	Đặng Trung	Kiên	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
178	Ngô Quỳnh	Lam	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
179	Ngô Hoàng	Long	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
180	Cao Vũ Hà	My	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
181	Ngô Thảo	My	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
182	Nguyễn Khánh	Ngọc	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
183	Nguyễn Minh	Ngọc	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
184	Cao Uyên	Nhi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
185	Đặng Hà Quỳnh	Như	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
186	Cao Đức	Phát	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
187	Hà Xuân	Phú	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
188	Lại Gia	Phúc	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
189	Cao Minh	Quân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
190	Thái Doãn	Tài	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
191	Võ Sỹ	Tài	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
192	Vũ Minh	Uy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi A
193	Cao Hạnh	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
194	Nguyễn Vũ Hoài	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
195	Thái Nhật Tâm	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
196	Thái Hoàng Nhất	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
197	Thái Doãn Tiến	Đạt	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
198	La Bảo	Hân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
199	Vũ Tiến	Hoà	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
200	Đặng Cao Bá	Hưng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
201	Thái Gia	Hưng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
202	Thái Minh	Khải	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
203	Ngô Bảo	Khang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
204	Nguyễn Ngọc	Khánh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
205	Thái Trần Tuấn	Kiệt	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ THEO NĐ 238/2025/NĐ-CP

Tháng 9 đến tháng 12 năm 2025 (Dùng cho giáo dục mầm non)

Phục lục 01:

Kèm theo TB165/MNDH ngày 16/10/2025

TT	Họ tên	Tên	Đối tượng	Mức thu học phí	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí cấp bù	Ghi chú
206	Ngô Thị Kim	Ngân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
207	Thái Gia	Nghi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
208	Bùi Tấn	Phát	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
209	Vũ Tuấn	Phát	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
210	Đào Minh	Quân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
211	Đinh Phương Tuệ	San	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
212	Thái Tuệ	Tâm	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
213	Cao Trần Anh	Thư	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
214	Phạm Thị	Thư	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
215	Lê Bảo	Trâm	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
216	Thái	Triệu	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
217	Nguyễn Minh	Trung	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	3 tuổi B
218	Cao Ngọc Hà	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
219	Cao Tùng	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
220	Nguyễn Võ Kiều	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
221	Tạ Hoàng	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
222	Trần Ngô Diệu	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
223	Đậu Thị Phương	Chi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
224	Cao Ngọc	Diệp	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
225	Võ Minh	Dũng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
226	Phạm Gia	Hân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
227	Ngô Minh	Hiếu	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
228	Cao Bảo	Hung	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
229	Cao Gia	Hung	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
230	Đặng Gia	Khang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
231	Trần Ngọc	Khuê	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
232	Ngô Phạm Nhật	Linh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
233	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
234	Cao Ánh	Nguyệt	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
235	Nguyễn Thanh	Nhã	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
236	Nguyễn Tuệ	San	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
237	Nguyễn Đức	Tài	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
238	Đặng Anh	Thơ	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
239	Nguyễn Thanh	Trà	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
240	Ngô Tú	Uyên	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
241	Nguyễn Bảo	Uyên	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
242	Ngô Khánh	Vy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
243	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
244	Vũ Trần Mai	Vy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi A
245	Cao Đặng Thiên	Ân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
246	Hà Bảo	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ THEO NĐ 238/2025/NĐ-CP
Tháng 9 đến tháng 12 năm 2025 (Dùng cho giáo dục mầm non)

Phục lục 01:

Kèm theo TB165/MNDH ngày 16/10/2025

TT	Họ tên	Tên	Đối tượng	Mức thu học phí	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí cấp bù	Ghi chú
247	Ngô Mai	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
248	Phạm Bảo	Châu	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
249	Thái Ngọc	Dũng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
250	Phan Trí	Đức	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
251	Đặng Minh	Hiếu	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
252	Cao Gia	Huy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
253	Nguyễn Võ Ngọc	Huyền	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
254	Cao Nguyên	Khang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
255	Phạm Nhật	Khang	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
256	Phạm Nhật	Khánh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
257	Hà Minh	Khôi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
258	Cao Tuệ	Lâm	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
259	Ngô Phương	Linh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
260	Nguyễn Diệu	Linh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
261	Thái Lê Bảo	Ngọc	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
262	Hoàng Trần Tuệ	Nhi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
263	Ngô Ngọc Tuệ	Nhi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
264	Vũ Phương	Nhi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
265	Thái Thiên	Phúc	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
266	Cao Thiên	Phước	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
267	Cao Văn	Quý	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
268	Ngô Linh	San	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
269	Nguyễn Thanh	Tâm	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
270	Nguyễn Ngọc	Thịnh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
271	Võ Anh	Thư	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
272	Cao Hoàng	Vũ	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi B
273	Cao Khánh	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
274	Cao Tâm	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
275	Ngô Bình	An	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
276	Cao Thái Phương	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
277	Lê Tuấn	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
278	Ngô Trâm	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
279	Phạm Quỳnh	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
280	Thái Ngọc	Anh	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
281	Nguyễn Tùng	Bách	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
282	Võ Hải	Băng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
283	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
284	Ngô Cao Thảo	Chi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
285	Phạm Linh	Chi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
286	Phan Linh	Chi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
287	Thái Hải	Đặng	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ THEO NĐ 238/2025/NĐ-CP
Tháng 9 đến tháng 12 năm 2025 (Dùng cho giáo dục mầm non)

Phục lục 01:

Kèm theo TB165/MNDH ngày 16/10/2025

TT	Họ tên	Tên	Đối tượng	Mức thu học phí	Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí cấp bù	Ghi chú
288	Lê Bùi Bảo	Hân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
289	Phan Ngọc Gia	Hân	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
290	Vũ Đức	Hiếu	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
291	Nguyễn Trọng	Khôi	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
292	Ngô Minh	Ngọc	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
293	Cao Nam	Phong	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
294	Ngô Thiên	Phú	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
295	Cao Nguyễn Gia	Phúc	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
296	Võ Việt	Tiến	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
297	Vũ Văn	Tuấn	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
298	Phạm Khánh	Vy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
299	Trần Hạ	Vy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
300	Trương Hà	Vy	Trẻ em mầm non	100.000	100%	4	400.000	2 tuổi C
Cộng:							120.000.000	

(Bảng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn.

KÊ TOÁN



Vũ Thị Na

Diễn Châu, ngày 16 tháng 10 năm 2025

HIỆP TRƯỞNG



Nguyễn Thị Xuân

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĂN TRƯA
Tháng 9 đến tháng 12 năm 2025 (Dùng cho giáo dục mầm non)

Phục lục 02:

Kèm theo TB164/MNDH ngày 16/10/2025

TT	Họ tên	Đối tượng	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
1	Đậu Thị Kim Ngân	Hộ cận nghèo	14/03/2020	160.000	4	640.000	5 tuổi B
2	Cao Duy Khánh	Hộ cận nghèo	22/07/2020	160.000	4	640.000	5 tuổi B
3	Thái Bảo Nam(Lâm)	Hộ cận nghèo	22/08/2020	160.000	4	640.000	5 tuổi C
4	Thái Bảo Nam(Thùy)	Khuyết tật	01/06/2020	160.000	4	640.000	5 tuổi A
5	Hà Thị Tuyết Mai	Hộ cận nghèo	02/10/2021	160.000	4	640.000	4 tuổi A
6	Ngô Bảo Long	Hộ nghèo	06/01/2021	160.000	4	640.000	4 tuổi A
7	Cao Minh Quân	Hộ cận nghèo	25/02/2022	160.000	4	640.000	3 tuổi A
8	Ngô Bảo Khang	Hộ nghèo	03/11/2022	160.000	4	640.000	3 tuổi B
	Cộng:					5.120.000	

Bảng chữ:**Năm triệu một trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.**

Diễn Châu, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KẾ TOÁN

Vũ Thị Na**HIỆU TRƯỞNG****Nguyễn Thị Xuân**

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
Tháng 09 đến tháng 12 năm 2025 (Dùng cho giáo dục mầm non)

Phục lục 03:

Kèm theo TB165/MNDH ngày 16/10/2025

TT	Họ tên	Đối tượng	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
1	Thái Bảo Nam	Khuyết tật	01/06/2020	150.000	4	600.000	5 tuổi A
2	Cao Ngọc Hà Anh	Hộ cận nghèo	11/03/2023	150.000	4	600.000	2 tuổi A
3	Ngô Bảo Long	Hộ nghèo	06/01/2021	150.000	4	600.000	4 tuổi A
4	Ngô Bảo Khang	Hộ nghèo	03/11/2022	150.000	4	600.000	3 tuổi B
	Cộng:					2.400.000	

Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn

Diễn Châu, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KÊ TOÁN



Vũ Thị Na



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xuân

TRƯỜNG MN DIỄN HOA

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC ĐỐI VỚI NGƯỜI
KHUYẾT TẬT THEO THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 42/2013/TTLT-BGDĐT BLĐTBXH-BTC
NGÀY 31/12/2013**

Phục lục 04:

Kèm theo TB164/MNDH ngày 16/10/2025

Đơn vị tính: đồng

TT	HỌ VÀ TÊN	Học sinh lớp	Học sinh khuyết tật thuộc		HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 (4 tháng)			
			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Kinh phí hỗ trợ học bổng	Kinh phí hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập	Cộng	Ghi chú (Lớp học hiện nay)
1	2	3	4	5	6	7=1000/9T*4T	7=6	
1	Thái Bảo Nam	5 tuổi A		x	7 488 000		7 488 000	5 tuổi A
	TỔNG CỘNG				7 488 000		7 488 000	

Số học sinh : 01 em

Bằng chữ : Bảy triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng chẵn.

Diễn Châu, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KẾ TOÁN



Vũ Thị Na

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Xuân